THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1156 /TTg-KTN V/v điều chỉnh Quy hoạch phát triển các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương	*Hà Nội, ngày 14 tháng 7 năm 2014*

Kính gửi:
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương.

Xét đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 3876/BKHĐT-QLKKT ngày 19 tháng 6 năm 2014 về việc rà soát, điều chỉnh Quy hoạch phát triển khu công nghiệp của tỉnh Hải Dương, Thủ tướng Chính phủ có ý kiến như sau:

1. Đồng ý điều chỉnh diện tích các khu công nghiệp tại tỉnh Hải Dương, cụ thể:

- Giảm diện tích các khu công nghiệp: Cộng Hòa từ 300 ha xuống còn 200 ha; Đại An từ 170,82 ha xuống còn 135 ha; Đại An (mở rộng) từ 470 ha xuống còn 433 ha; Phú Thái từ 72 ha xuống còn 57 ha. Việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất đối với phần diện tích giảm của các khu công nghiệp nêu trên phải thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

- Tăng diện tích Khu công nghiệp Tân Trường (mở rộng) từ 100 ha lên 112,6 ha.

2. Phê duyệt Danh mục quy hoạch khu công nghiệp tỉnh Hải Dương đến năm 2020 (Phụ lục kèm theo).

3. Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương tiếp thu ý kiến nêu tại Mục III Công văn số 3876/BKHĐT-QLKKT ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong chỉ đạo và tổ chức thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- TTg CP, PTTg Hoàng Trung Hải;
- Các Bộ: TN&MT, CT, XD, QP, GTVT, NN&PTNT;
- VPCP: BTCN, các PCN, các Trợ lý TTg, Các Vụ: TH, KTTH, V.III; TGĐ Cổng TTĐT;
- Lưu: VT, KTN (3) TrT.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Hoàng Trung Hải

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

Phụ lục

DANH MỤC QUY HOẠCH KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH HẢI DƯƠNG ĐẾN NĂM 2020

(Ban hành kèm theo Công văn số 1156/TTg-KTN ngày 14 tháng 7 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: ha

TT	KCN	Diện tích quy hoạch	Tình hình thực hiện		Diện tích dự kiến quy hoạch thành lập đến 2020 (địa phương đề xuất)	Phương án điều chỉnh quy hoạch (Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề xuất)			
			Diện tích thực tế đã thành lập/cấp GCNĐT	Diện tích quy hoạch còn lại chưa thành lập/cấp GCNĐT (không tính diện tích chênh lệch do đo đạc)		Diện tích dự kiến quy hoạch đến 2020	Diện tích tăng so với quy hoạch được duyệt	Diện tích giảm so với quy hoạch được duyệt (không tính chênh lệch do đo đạc)	Diện tích dự kiến quy hoạch thành lập mới và mở rộng đến năm 2020
		(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)=(5)-(1)*	*(7)=(1)-(5)*	*(8)=(5)-(2)*
I	**KCN được thành lập trước Quyết định 1107/QĐ-TTg**								
1	KCN Nam Sách	63	62.42	0	62.42	62.42		0.58	0
2	KCN Đại An	170.82	174.22	0	135	135		35.82	0
3	KCN Phúc Điền	87	82.88	0	82.88	82.88		4.12	0
4	KCN Tân Trường	199.3	198.06	0	198.06	198.06		1.24	0
II	**KCN được phê duyệt QH theo Quyết định 1107/QĐ-TTg và văn bản của Thủ tướng, đã thực hiện quy hoạch (toàn bộ diện tích đã thành lập)**								
1	KCN Việt Hoà-Kenmark	47	46.4	0	46.4	46.4		0.6	0
2	KCN Cộng Hoà	300	357.03	0	200	200		100	0
3	KCN Phú Thái	72	21.7	35.3	57	57		15	35.3
4	KCN Lai Vu	212	212.89	0	212.9	212.9	0.9		0
5	KCN Lai Cách	135	135.42	0	135.42	135.42	0.42		0
6	KCN Đại An mở rộng	470	433	0	433	433		37	0

www.LuatVietnam.vn

TT	KCN	Diện tích quy hoạch	Tình hình thực hiện		Diện tích dự kiến quy hoạch thành lập đến 2020 (địa phương đề xuất)	Phương án điều chỉnh quy hoạch (Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề xuất)			
			Diện tích thực tế đã thành lập/cấp GCNĐT	Diện tích quy hoạch còn lại chưa thành lập/cấp GCNĐT (không tính diện tích chênh lệch do đo đạc)		Diện tích dự kiến quy hoạch đến 2020	Diện tích tăng so với quy hoạch được duyệt	Diện tích giảm so với quy hoạch được duyệt (không tính chênh lệch do đo đạc)	Diện tích dự kiến quy hoạch thành lập mới và mở rộng đến năm 2020
7	KCN Cẩm Điền - Lương Điền	200	183.96	0	183.96	183.96		16.04	0
8	KCN Tân Trường mở rộng	100	112.6	0	112.6	112.6	12.6		0
III	**KCN được phê duyệt quy hoạch theo Quyết định 1107/QĐ-TTg và văn bản của Thủ tướng, toàn bộ diện tích chưa thực hiện**								
1	KCN Kim Thành	150	0	150	164.98	164.98	14.98		164.98
2	KCN Phúc Điền mở rộng	200		200	214.57	214.57	14.57		214.57
3	KCN Quốc Tuấn - An Bình	180	0	180	180	180			180
4	KCN Lương Điền - Ngọc Liên	150	0	150	150	150			150
5	KCN Bình Giang	150	0	150	150	150			150
6	KCN Thanh Hà	150	0	150	150	150			150
7	KCN Hoàng Diệu	250	0	250	250	250			250
8	KCN Hưng Đạo	200	0	200	200	200			200
9	KCN Gia Lộc	198	0	198	198	198			198
	Tổng cộng	**3,684.12**	**2,020.58**	**1,663.30**	**3,517.19**	**3,517.19**	**43.47**	**210.40**	**1,692.85**

www.LuatVietnam.vn